TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21/7/2025
"V/v tranh chấp ly hôn giữa anh L và chị B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Trung Hòa

- Ông Trương Văn Mên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Diệp Thị Vân Khoa, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại Toà án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2025/QĐST-HN, ngày 16/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2025/QĐST-HN, ngày 09/6/2025 và thông báo dời phiên toà xét xử số 06/TB-TA, ngày 27/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trà Thanh L, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Ấp R, xã TH, huyện CN, tỉnh TV; Nay là ấp R, xã CN, tỉnh VL. Có mặt

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu B, sinh năm 1981;
Địa chỉ: ịa chỉ: Ấp R, xã TH, huyện CN, tỉnh TV; Nay là ấp R, xã CN, tỉnh VL. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Trà Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019 anh và chị Lê Thị Thu B quen nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian chung sống anh và chị Thu B không có con chung, nguyên nhân mâu thuẫn anh L cho rằng vợ chồng thường xuyên cải nhau do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không thể dung hoà được, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân hơn 06 tháng nay mạnh ai nấy sống, tình cảm giữa vợ chồng cũng không còn. Nay anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Thu B.

Về con chung: Anh và chị Thu B không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh L không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lê Thị Thu B vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán*: Việc giải vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thủ tục nhận đơn Toà án đã thực hiện đúng quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời hạn xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Toà án đã tống đạt thông báo về phiên hoà giải và tiến hành hoà giải nhằm hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đúng theo quy định tại Điều 205 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định tại Điều 208, 209 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự hợp lệ, đảm bảo thời hạn luật định; Hoãn phiên toà đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà*: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Từ khi thụ lý cho đến nay, anh Trà Thanh L đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Thu B chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Trà Thanh L ly hôn với chị Lê Thị Thu B. Về nuôi con anh L và chị Thu B không có con chung anh L không yêu cầu Toà án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, về tài sản chung của vợ chồng và về số nợ phải thu phải trả anh L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét, về án phí anh Trà Thanh L phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Lê Thị Thu B có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh TV nay xã C, tỉnh VL nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của anh L khởi kiện xin ly hôn với chị Thu B nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh L và chị Thu B chung sống với nhau năm 2019 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa anh L và chị Thu B là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa anh L và chị Thu B tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh anh L và chị Thu B đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, từ khi ly thân 06 tháng nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình mạnh ai nấy sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt. Toà án hoà giải 02 lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng phía chị T Ba không đến, tại phiên toà hôm nay chị Thu B vắng mặt lần thứ hai không có lý do từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L xin được ly hôn với chị Thu B là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của anh L, xử cho anh L và chị Thu B được ly hôn với nhau.

- Về nuôi con: Anh L và chị Thu B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh L không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Trà Thanh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trà Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trà Thanh L và chị Lê Thị Thu B được ly hôn với nhau.

- Về nuôi con: Anh L và chị Thu B không có con chung, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh L không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Trà Thanh L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0011696, ngày 07/3/2025 do anh L nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Trà Thanh L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND khu vự 13-VL;
- THADS tỉnh VL;
- Các đương sự;
- UBND xã CN;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tranh